

## PHỐ CHỢ, PHỐ LÀNG: HAI DÒNG CHẢY TRONG QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN Ở NGOẠI THÀNH HÀ NỘI

NGUYỄN CÔNG THẢO\*

*Tóm tắt:* Bài viết trình bày kết quả nghiên cứu sử dụng phương pháp quan sát tham dự và phỏng vấn lịch sử dòng đời tại một làng ngoại thành Hà Nội trong năm 2015-2016 nhằm tìm hiểu quá trình biến đổi không gian làng từ những năm 1990 đến nay. Một trong những phát hiện chính của nghiên cứu là quá trình hình thành hai khu phố làng ở hai thời điểm khác nhau: Đổi mới vào đầu thập niên 1990 và quá trình đô thị hóa từ đầu những năm 2000. Dù cùng mang nhiều điểm tương đồng, song quá trình hình thành của mỗi không gian này ẩn chứa nhiều khác biệt, mà điển hình là tính chất kinh doanh và sự gắn kết của làng vào mạng lưới xã hội rộng lớn hơn.

*Từ khóa:* đô thị hóa, biến đổi nông thôn, không gian và cảnh quan làng, làng Việt.

### 1. Giới thiệu

Từ giữa những năm 1990 đến nay, làng Việt đã và đang có nhiều thay đổi nhanh chóng, được thúc đẩy bởi các tác nhân khác nhau, trong đó có chính sách Đổi mới và quá trình đô thị hóa. Điều này dẫn đến quá trình chuyển dịch cơ cấu thu nhập theo hướng gia tăng đóng góp của khối dịch vụ, thương mại, suy giảm vai trò của sản xuất nông nghiệp; sự phát triển của kiến trúc đô thị thay thế kiến trúc cũ; biến động dân số bắt nguồn từ quá trình di cư, nhập cư; lối sống mới hay sự hồi sinh của một số thực hành văn hóa truyền thống (Tô Duy Hợp, 2000; Papin và Tessier, 2002; Kleinen, 2004).

Sự biến đổi của làng Việt còn thể hiện rõ nét qua biến đổi cảnh quan và không gian xã hội. Cách tiếp cận này đã được một số nhà khoa học quan tâm (Nguyễn Công Thảo, 2011; 2013; Papin và Tessier, 2002). Nguyễn Tùng (2002) cho rằng có thể phân không gian làng ở vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng thành *không gian hành chính, không gian cư trú, không gian canh tác*. Nguyễn Thị Phương Châm (2009) chỉ ra sự đan xen giữa truyền thống và hiện đại, giữa tính đô thị và làng quê qua nghiên cứu quá trình biến đổi ở xã Đồng Kỵ. Không gian làng ở đây đã có sự gắn kết với quá trình hòa nhập và phát triển của đất nước. Nguyễn Văn Sừ và Chu Thị Hường (2015) kế thừa, phát triển ý tưởng của Nguyễn Tùng (2002) đã phân loại không gian làng Việt thành 5 loại bao gồm: không gian cư trú, không gian kiến trúc, không gian sản xuất, không gian thiêng và không gian hành chính. Các không gian này được cho là kết quả của sự thích ứng với môi trường tự nhiên.

\* Viện Dân tộc học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Cũng tiếp cận quá trình biến đổi làng dưới góc độ không gian nhưng bài viết nhìn từ lăng kính sinh thái học lịch sử (historical ecology). Tìm hiểu quá trình hình thành 2 khu “phố” ở một làng ngoại thành Hà Nội, tác giả nhìn nhận “phố làng” như một dạng thức cảnh quan (landscape), được tạo dựng dưới tác động của nhiều yếu tố, trong đó các chính sách phát triển kinh tế - xã hội của nhà nước và quá trình đô thị hóa là hai nhân tố quan trọng. Lịch sử hình thành của mỗi không gian này ẩn chứa, phản ánh các điều kiện, xu thế phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội không chỉ trong phạm vi làng mà ở bình diện rộng hơn. Tác giả đã kết hợp phương pháp phỏng vấn lịch sử cuộc đời (life history interview) với quan sát thực địa để lần dựng lại lịch sử hình thành cũng như ý nghĩa, vai trò của hai không gian ấy đối với người dân.

Sinh thái học lịch sử nhìn nhận cảnh quan như “biểu hiện về mặt vật chất cho mối quan hệ giữa con người và môi trường” (Crumley, 1994: 6). Các thực thể tồn tại trong mỗi cảnh quan không chỉ mang tính vật chất mà còn bao hàm cả các chiều cạnh tinh thần, xã hội và văn hóa. Chính vì thế, cảnh quan có thể được sử dụng như một “đơn vị phân tích” (Crumley, 2001: 16). Mỗi cảnh quan luôn có ranh giới vật chất, ranh giới tinh thần và chúng không nhất thiết phải trùng khớp nhau (Morris, 1995). Trong quá trình phát triển, cảnh quan luôn được cải hóa nhằm đáp ứng kỳ vọng của người dân sinh sống trong đó và phạm vi của nó đa dạng, từ cấp độ địa phương đến vùng, liên vùng thậm chí xuyên quốc gia (Bunnell, 2004).

## **2. Sự hình thành hai “phố” trong một làng**

### **2.1. Khái quát về làng Dục Nội**

Dục Nội (tên Nôm là làng Dộc) là làng lớn nhất của xã Việt Hùng, huyện Đông Anh, nằm cách trung tâm thành phố Hà Nội khoảng 25 km về phía Đông Bắc, cách trung tâm huyện chừng 2 km về phía Tây. Làng có 3 khu (xóm) bao gồm: Đoài, Trung và Đông. Làng nằm ở vị trí trung tâm xã Việt Hùng, giáp với làng Gia Lộc và xã Cổ Loa về phía Nam, giáp làng Lỗ Giao về phía Bắc, xã Dục Tú và làng Quây (xã Liên Hà) về phía Đông, giáp xã Uy Nỗ về phía Tây. Theo số liệu năm 2016, làng có tổng số 2.863 hộ với 10.350 khẩu.

Hoạt động sinh kế chính của người dân ở đây trước năm 1990 là sản xuất nông nghiệp với 2 vụ lúa nước và 1 vụ hoa màu. Từ giữa những năm 1990, đặc biệt kể từ đầu những năm 2000 trở lại đây, buôn bán, dịch vụ, làm công nhân trong các khu công nghiệp đã trở thành nguồn thu chính cho hầu hết hộ gia đình trong làng. Đóng góp của sản xuất nông nghiệp ngày càng không còn quan trọng, nhất là khi trong chừng 10 năm trở lại đây, diện tích ruộng bỏ hoang có xu hướng gia tăng. Nằm ở vị trí thuận lợi về mặt giao thông, giáp với thị trấn huyện, làng Dục Nội được hưởng lợi nhiều từ quá trình phát triển, đô thị hóa. Từ cuối năm 1999, một số nhà máy có nguồn vốn nước ngoài của Nhật, Đài Loan, Hàn Quốc được xây dựng ngay phía Tây của làng. Những cơ sở này thu hút hàng trăm lao động là người làng và cung ứng nhu cầu thuê nhà ở cho hàng nghìn lao động đến từ các tỉnh xa.

## 2.2. Sự hình thành “phố chợ”

Khu phố chợ Dộc được hình thành từ đầu năm 1990, trên khu vực chợ làng cũ, dọc ven trục đường chính của làng, từ khu vực sân kho chạy dài đến ngã tư trạm xá xã, điểm giáp ranh giữa khu Trung và khu Đông. Trước năm 1990, khu vực phía Bắc của đoạn đường này là nhà kho, sân kho của hợp tác xã, được ngăn cách với đường làng bởi một con kênh nhỏ, phía Nam là nhà dân. Dù nằm ở vị trí trung tâm xã, dọc ven trục đường chính nhưng mật độ cư dân nơi đây khá thưa, chưa có hàng quán. Chợ lúc đó họp ở khu vực đối diện trạm y tế xã, dọc ven đường và chủ yếu họp vào buổi sáng.

Theo chính sách Đổi mới, sự triển khai Khoán 10 và sau này là việc ban hành Luật Đất đai năm 1993 đã khiến vai trò của hợp tác xã không còn thực sự quan trọng. Sự tồn tại của nhà kho và sân kho trở nên không cần thiết. Sau quá trình dỡ bỏ nhà kho, chính quyền xã tiến hành phân lô đất ven sân kho, khu dọc ven đường làng, tổ chức bán đấu giá cho người dân trong thôn vào năm 1991. Có thể nói, đây là đợt bán đấu giá đất ở đầu tiên được tiến hành ở làng nói riêng, trong xã Việt Hùng nói chung. Điểm đáng nói là quá trình bán đấu giá này chỉ áp dụng với người dân ở khu Trung. Mức đấu giá thành công thấp nhất tại thời điểm đó là 300.000/m<sup>2</sup>, vượt xa khả năng của phần lớn người dân trong thôn. Chính vì thế, các hộ thắng đấu giá chủ yếu thuộc nhóm khá giả, những người có thu nhập từ buôn bán nhỏ, nghề may, nghề thủ công hay giáo viên, bác sĩ hay mới đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài về.

Nguyên nhân các hộ này tham gia đấu giá không phải vì thiếu đất ở mà nhằm mục đích buôn bán. Trong khi đó, một điều kiện quan trọng đưa ra trước đấu giá là các hộ phải xây dựng tối thiểu nhà mái bằng ngay sau khi được bàn giao đất. Tại thời điểm đó, tuyệt đại đa số nhà ở trong làng là nhà ngói, nhìn về hướng Đông Nam, bao quanh là vườn. Chính vì thế, sự hình thành của hàng loạt nhà ống, nhìn ra đường chính, thiết kế theo kiến trúc chung là nhà ở kết hợp cửa hàng buôn bán đã tạo ra diện mạo mới cho khu vực. Chợ làng được chuyển hẳn về phía sau, khu vực sân kho cũ, họp cả ngày khiến khu vực này trở thành trung tâm buôn bán của làng.

Trong dòng chảy đó, kể từ cuối những năm 1990, hàng loạt nhà dân ở phía Nam bên kia đường cũng tiến hành xây ki ốt bán hàng, một số thậm chí bán đất để xây nhà tầng, cửa hàng. Quá trình này dẫn đến sự hình thành một không gian mang dáng dấp đô thị trên dải đất dài chừng 200m, dọc ven theo đường làng. Về mặt xây dựng, đó là sự nổi lên của hàng loạt nhà cao tầng, nhà ống cùng hướng ra mặt đường với sự đa dạng về kiến trúc. Về mặt công năng, đó là sự kết hợp giữa không gian buôn bán, dịch vụ với không gian cư trú. Với diện tích trung bình mỗi nhà ven đường là 50m<sup>2</sup>, 4 người trên một hộ, về mặt không gian, đó là sự hình thành của khu vực cư trú có mật độ dân số cao nhất trong toàn xã. Từ những đặc điểm này, tên gọi “phố chợ” đã xuất hiện trong cách gọi của người dân, trở nên phổ biến từ đầu năm 2000. Khu “phố chợ” dần được mở rộng qua các cuộc đấu giá đất tiếp theo, trải dài, chạy dọc theo trục đường chính từ khu vực Ủy ban nhân dân xã đến sát khu vực Trường Trung học cơ sở xã Việt Hùng hiện nay.

Hình thức cư trú truyền thống ở nhiều làng Việt là theo dòng họ, tức là các hộ gia đình có quan hệ họ hàng gần gũi sinh sống cạnh nhau. Tuy nhiên, ở khu “phố chợ”, đặc điểm này không còn nữa. Từ đợt bán đấu giá đất đầu tiên cho đến đợt gần nhất diễn ra vào cuối những năm 2000, đã có khoảng 50 hộ chuyển đến cư trú ở khu vực này (chưa kể các hộ vốn cư trú dọc đường trước đó). Nếu đợt đấu giá đầu chỉ ưu tiên áp dụng cho người ở khu Trung thì các đợt tiếp theo mở rộng cho mọi đối tượng trong toàn xã. Trong số 50 hộ này, không hộ nào có quan hệ họ hàng gần gũi. Về mặt lớp tuổi, nhóm chủ hộ khi bắt đầu chuyển đến sống ở khu “phố chợ” có độ tuổi trung bình dưới 40. Họ thường là những cặp vợ chồng trẻ được bố mẹ mua đất, xây nhà, cho ra ở riêng để buôn bán hoặc những người có tay nghề (may, sửa chữa điện tử, điện dân dụng), tháo vát, quen với việc buôn bán từ trước. Một số ít là công viên chức (bác sĩ, giáo viên, dược sĩ). Bên cạnh hai đối tượng chính (người sống ở khu vực này từ trước, người từ thôn, làng khác mua đất đến ở), trong vài năm trở lại đây, cư dân “phố chợ” cũng đón nhận thêm một số người từ thôn, làng, xã, huyện khác đến thuê nhà để kinh doanh.

Điểm chung của dân “phố chợ” là hầu hết họ không còn làm ruộng. Thu nhập chính của họ đến từ buôn bán, dịch vụ và lương, mặc dù trước khi chuyển ra “phố chợ”, gia đình họ cũng đa phần đều làm ruộng. Tuy nhiên, ngoài làm ruộng, gia đình họ còn có thu nhập ổn định từ các nguồn khác và như thừa nhận của họ, đó mới là nguồn thu quan trọng giúp họ có đủ khả năng mua đất, làm nhà ở khu “phố chợ”. Các hoạt động buôn bán, dịch vụ chính hiện nay có thể phân thành hai nhóm chính: hàng tiêu dùng và thực phẩm. Ngoài hoạt động kinh doanh của các hộ tại chỗ, nhiều người trong làng, xã cũng buôn bán hàng ngày ở khu vực này, chủ yếu là bán thực phẩm. Một số ít đến từ các xã khác trong huyện, chủ yếu buôn bán nông sản, theo mùa.

### 2.3. Khu “phố làng”

Khu “phố làng” hình thành muộn hơn một chút, phải từ đầu năm 2000. Có ba mốc quan trọng có ảnh hưởng tới quá trình hình thành bao gồm: 1) sự xuất hiện của các doanh nghiệp nước ngoài từ cuối năm 1999; 2) sự nâng cấp của cơ sở hạ tầng, dịch vụ (đường liên xã, hệ thống xe buýt, siêu thị từ giữa những năm 2000; 3) sự hình thành khu dân cư mới đối diện Công Thương bắt đầu vào năm 2010. Mốc đầu tiên dẫn đến việc nhiều hộ gia đình sống ven đường, gần công ty sản xuất phụ tùng xe máy của Nhật và nhà máy giầy của Đài Loan, đầu tư mở cửa hàng ăn uống, giải khát, giải trí, nhà cho thuê để phục vụ hàng nghìn cán bộ, công nhân đến của hai nhà máy này. Sự bùng nổ của nhiều nhà hàng, quán xá khiến cho hoạt động kinh doanh ở khu vực này trở nên nhộn nhịp hơn. Thậm chí, một khu chợ dân sinh mới đã hình thành ngay đầu làng.

Mốc thứ hai kéo theo sự gia tăng đột biến của giá đất ven đường. Nhờ việc nâng cấp tuyến đường liên xã từ đường rải đá rậm thành đường nhựa rộng 12 mét, có đèn cao áp kết hợp với các tuyến xe buýt chạy qua vào năm 2008, giá đất ở khu vực này tăng lên hàng chục lần, dao động ở mức 15-20 triệu đồng/m<sup>2</sup>. Con số bất động sản này một phần nằm trong cơn bão giá chung từ thị trường bất động sản ở nội thành Hà Nội, một phần từ quy hoạch phát triển của huyện Đông Anh khi trung tâm huyện dự kiến sẽ chuyển về xã Liên Hà (cách làng chừng 2km về phía Bắc), khu vực thị trấn được dự báo sẽ được nâng

lên thành quận. Khi đó, khu “phố làng” sẽ là cầu nối giữa trung tâm quận và huyện mới. Từ 2005 đến đầu 2010, khu vực này chứng kiến sự bùng nổ về xây dựng khi hàng chục nhà cao tầng được xây dựng, với quy mô lớn hơn cả khu “phố chợ”. Nếu từ những năm 1995 trở về trước, hầu hết đất ven đường là đất vườn, ao thì ở giai đoạn này, chúng được cải tạo thành nhà hàng, nhà ở, cửa hàng, quán café, quán gội đầu, dịch vụ vận tải, du lịch, may mặc, cơ khí. Hầu hết nhà mới xây có ít nhất 3 tầng và diện tích nhỏ nhất là 60m<sup>2</sup>.

Mốc thứ ba là kết quả của việc chuyển đổi một phần diện tích đất nông nghiệp của khu Đoàn thành đất ở vì đây là khu đất cao, hạn chế khả năng tưới tiêu. Khu này nằm ven đường lớn, nối làng với trung tâm huyện, nối làng với các xã khác. Các hộ ưu tiên được mua đất với giá ưu đãi là người có đất nông nghiệp bị thu hồi; là người khu Đoàn thuộc diện gia đình chính sách, thiếu đất ở. Chính sách này dẫn đến sự hình thành của cụm dân cư mới gồm 19 hộ. Các hộ này cũng xây nhà cao tầng, mở cửa hàng bán bia, điện thoại di động, máy tính, xe đạp, xe máy.

Với không ít người, “phố chợ” và “phố làng” là biểu tượng mới minh chứng cho sự phát triển, hội nhập của làng, như nhận định dưới đây của một người dân:

*Giá đất ở hai khu này chẳng hề rẻ, có khi cao hơn đất trong ngõ ở nội thành. Chỉ cần có cửa hàng nho nhỏ, kiếm vài trăm một ngày chẳng hề khó. Nhà cửa, tiện nghi cũng chẳng thua kém gì nếu không muốn nói là rộng rãi, thoáng mát hơn. Không khí trong lành, thực phẩm sạch, giá cả sinh hoạt lại rẻ hơn. Giao thông đi lại thuận tiện, vài chục phút là ra đến Bờ Hồ. Tội gì mà chen chúc ở thành phố, chỉ tổ hít bụi, ăn đồ bẩn mà đất dò.*

(PVS, nam, 65 tuổi, học vấn cao đẳng, giáo viên nghỉ hưu)

### 3. Hai khu “phố”, hai “dòng chảy”

#### 3.1. Tính chất và mức độ liên kết của hoạt động kinh tế

Sự tồn tại của một không gian phản ánh đặc điểm hoạt động kinh tế của cư dân sinh sống trong đó. Đây cũng chính là chức năng kinh tế của bất kỳ một không gian nào (Hirsch và O'Hanlon chủ biên, 1995). Khu “phố chợ” là biểu tượng cho sự trỗi dậy của hoạt động thương mại tư nhân tự vốn không có không gian trong thời kỳ hợp tác xã - thời kỳ từng được biểu trưng bởi cửa hàng bách hóa, hoạt động thông qua hệ thống phân phối hàng tiêu dùng dựa trên tem phiếu. Sự hình thành của khu “phố chợ” phản ánh sự chuyển dịch vai trò sản xuất, điều tiết, quản lý và phân phối hàng hóa bởi nhà nước sang khối doanh nghiệp, tư nhân và thị trường bởi để đảm bảo cho cách vận hành mới, điều kiện cần thiết là phải có không gian tương ứng. Chính vì thế, sự tồn tại của nhà kho, sân kho, cửa hàng bách hóa - những biểu tượng của thời kỳ trước Đổi mới, không còn cần thiết. Việc tư nhân hóa các không gian ấy là điều kiện tiên quyết để người dân có thể thay thế vai trò phân phối hàng hóa, thu mua nông sản... vốn từng do hợp tác xã đảm nhiệm.

Khu “phố chợ” cũng là dấu hiệu bước đầu, đánh dấu sự phát triển của nền kinh tế, nơi mà vai trò của sản xuất nông nghiệp từng bước bị thay thế bởi hoạt động thương mại, dịch vụ. Điều này thể hiện qua mật độ hộ kinh doanh nhiều hơn, mặt hàng kinh doanh đa

dạng hơn. Chợ làng giờ khác ngày xưa. Nếu trước những năm 1990, chợ làng được mở ven đường, chỉ vón vện trong nửa buổi sáng, phục vụ nhu cầu thiết yếu của người dân thì hiện nay, hoạt động buôn bán diễn ra cả ngày, kéo dài đến cả tối. Ngoài nông sản, thực phẩm sản xuất tại chỗ vốn là hàng hóa chủ đạo trước đây, các sản phẩm tiêu dùng công nghiệp từ bên ngoài cũng đã trở nên phổ biến. Hầu hết người bán hàng, cung ứng dịch vụ ở khu này có cửa hàng riêng, kinh doanh hàng ngày thay vì theo mùa vụ, tranh thủ lúc nông nhàn, tận dụng bán sản vật do gia đình làm ra như trước Đổi mới. Điều đáng chú ý là tính chuyên nghiệp trong kinh doanh ngày càng thể hiện rõ, hầu hết các thành viên trưởng thành trong gia đình cùng tham gia vào hoạt động buôn bán thay vì chỉ là người già hay phụ nữ như trước đây. Nam giới thường đảm nhiệm giao dịch với đầu mối cấp, vận chuyển hàng trong khi phụ nữ trực tiếp bán, quản lý tài chính.

*Giờ đây chúng tôi không chỉ còn “buôn thúng, bán mẹt”, ngồi lê ven đường như trước đây. Đa phần có quán, cửa hàng cố định, khang trang. Hàng hóa được bán với giá chung, cạnh mặc cả, mua bán chịu không còn nữa. Người bán hàng bây giờ chuyên nghiệp lắm, họ chiều khách và duy trì quan hệ tốt với khách ruột của mình.*

(PVS, nữ, 57 tuổi, học vấn 5/10, buôn bán)

Ngoài những điểm tương đồng trên, hoạt động kinh doanh ở khu “phố làng” cũng có những điểm khác biệt. Sự hình thành của “phố làng” đánh dấu bước phát triển mới, vượt khỏi biên giới làng thông qua việc gắn kết chặt chẽ hơn vào mạng lưới, hoạt động kinh tế của huyện cũng như của vùng. Nếu hoạt động kinh doanh ở “phố chợ” chủ yếu phục vụ người dân trong làng thì đối tượng khách hàng ở đây mở rộng ra cả nhóm công nhân ngoại tỉnh, người ngoài xã, khách vãng lai. Vị trí địa lý đóng vai trò quan trọng ở phương diện này. Ví dụ tiêu biểu cho điều này là sự hình thành của một số xưởng kinh doanh, chế biến gỗ ngay khu vực đầu làng, do một số gia đình quản lý. Từ đầu những năm 2000, một số tư nhân đã thuê bãi đất trống ven đường liên xã, thuộc phạm vi khu Đoàn để mở xưởng kinh doanh, nhập gỗ từ Lào về bán cho các cơ sở làm mộc trong huyện, trong vùng. Hoạt động kinh doanh của những cá nhân này thậm chí đã mang tính xuyên quốc gia. Siêu thị Harpo Mart Việt Hùng được mở vào năm 2011 cũng là một ví dụ khác khi đây đã trở thành siêu thị lớn đầu tiên ở 4 xã phía Tây của huyện Đông Anh. Kể từ khoảng năm 2006, một khu chợ tạm hình thành cách nhà máy giày của Đài Loan chỉ chừng 200m. Hầu hết người bán là dân làng và đối tượng phục vụ chính là cư dân ở thị trấn và công nhân ngoại tỉnh.

*Khách hàng của chúng tôi bao gồm người ngoài làng, ngoài xã, có cả người nước ngoài. Hàng hóa kinh doanh đủ loại, mua bao nhiêu cũng có. Toàn hàng có xuất xứ, đảm bảo chất lượng, có bảo hành.*

(PVS, nam, 55 tuổi, học vấn 6/10, buôn bán)

Hoạt động kinh doanh ở khu “phố làng” cũng đánh dấu sự hình thành một mạng lưới liên kết mang tính chuyên nghiệp hơn. Trong khi việc buôn bán ở “phố chợ” dựa trên nền tảng gia đình là chính, các hộ độc lập với nhau thì ở khu “phố làng”, nhiều hộ kinh doanh đã liên kết với nhau nhằm mục đích tăng sức cạnh tranh, thu hút khách hàng, tạo

dựng thương hiệu. Trở lại với các đại lý buôn bán gỗ như đã đề cập ở trên, mặc dù hoạt động độc lập nhưng giữa các đại lý này đã hình thành mối liên kết khá chặt chẽ. Điều này thể hiện qua việc họ thường xuyên chia sẻ, cập nhật với nhau giá nhập, bán từng loại gỗ nhằm duy trì mặt sàn giá tương đối thống nhất. Sự tồn tại của các xưởng gỗ nằm sát nhau, theo các chủ đại lý không hề làm giảm đi sức cạnh tranh mà còn giúp tạo dựng một trung tâm cung ứng gỗ cho vùng, xây dựng thương hiệu, uy tín với khách hàng. Tương tự như thế, ở khu 19 hộ được mua đất chuyển đổi, có 4 hộ mở quán bia sát nhau, cùng bán một loại bia. Giữa các hộ này có sự liên kết, hỗ trợ nhau khi hết hàng. Tuyệt nhiên không có sự tranh chấp, chèo kéo khách hàng của nhau. Các chủ quán ở đây tin rằng việc cùng kinh doanh như thế tạo nên “điểm ăn chơi”, sẽ kéo được nhiều khách hàng hơn. Trên thực tế, quan sát thực địa cho thấy khách hàng ở đây không chỉ gồm dân làng mà cả người từ các làng, xã khác. Hiện nay, hoạt động buôn bán ở đây khá tấp nập, đặc biệt vào buổi trưa và chiều tối.

### **3.2. Biến đổi nếp sống, quan hệ xã hội**

Trong khi có những khác biệt căn bản về tính chất, mức độ liên kết trong hoạt động kinh tế, dưới phương diện nếp sống, quan hệ xã hội, cư dân ở hai khu “phố” này lại khá tương đồng. Họ cùng phải làm quen với lối sống mới, thiết lập mối quan hệ mới sau khi “bước ra khỏi làng”. Điều dễ nhận thấy nhất là qua kiến trúc và bài trí nhà cửa. Không gian sinh sống chật hẹp hơn khiến nhà cao tầng là lựa chọn tối ưu của người dân. Mặt bằng ở tầng một được tối ưu dành cho buôn bán nên trừ những hộ có diện tích rộng, toàn bộ bếp, phòng ăn được chuyển lên tầng hai. Theo quan sát của tác giả, bàn thờ tổ tiên được hầu hết các hộ chuyển lên tầng cao nhất thay vì chính giữa nhà, ngay tầng một như các hộ cư trú trong làng. Đây là sự lựa chọn mang tính bắt buộc vì theo người dân, bàn thờ cần phải được đặt ở nơi yên tĩnh, sạch sẽ, yêu cầu không thể đáp ứng nếu đặt ở tầng một. Hạn chế về mặt bằng cùng kiến trúc nhà cao tầng khiến không gian trong nhà được chia nhỏ thành các không gian riêng, khép kín. Phòng ngủ, phòng học, phòng ăn vốn không tồn tại trong khái niệm và thực hành trước đây nay đã phổ biến với người dân ở hai khu “phố” này. Khuôn khổ bài viết không cho phép chỉ ra nhiều ví dụ khác nhưng chỉ qua sự thay đổi về nhà cửa, một số nếp sống mới cũng đã hình thành như một cách thích nghi. Các phòng riêng, theo như người dân, khiến sự tương tác giữa cha mẹ với con cái ngày càng ít đi, nhất là với các hộ buôn bán, có con đi học cả ngày. Thời gian nghỉ ngơi của họ cũng ít đi do phải dậy sớm, thức khuya bán hàng hay do xe cộ qua lại...

Các công trình bếp, vệ sinh, giếng nước vốn từng riêng rẽ đã được nhập vào một cùng một không gian, trong ngôi nhà ống. Sự hiện diện của vườn cây ăn quả cũng không còn. Sự hình thành của hai khu “phố” này phản ánh quan niệm mới của người dân về vị trí sinh sống lý tưởng. Trước Đổi mới, người dân làng Độc thích sống ở trung tâm làng hơn là dọc ven đường cái. Có trường hợp là con trưởng nhưng do lập gia đình sớm, được bố mẹ cho ra ở riêng ở mảnh đất ven làng vào năm 1985 đã tỏ ra bất bình. Phải đến 10 năm sau, mối quan hệ giữa họ mới được hàn gắn. Đất ở không còn chỉ đơn thuần là không gian cư trú mà đã thành phương tiện sản xuất, một tài sản đặc biệt có giá trị, là thước đo cho sự giàu có.

Về mặt quan hệ xã hội, ở hai khu “phố” này đã hình thành các nhóm gia đình có quan hệ mật thiết với nhau. Khác với truyền thống, mối quan hệ giữa các hộ này được xây dựng dựa trên đồng sở thích chứ không bị bó buộc trong quan hệ láng giềng hay dòng họ. Chủ hộ các gia đình này thường ở cùng lớp tuổi, nghề nghiệp và có sự tương đồng về tính cách mà theo như cách nói của người dân là “chơi được”. Ở khu “phố chợ”, có hai nhóm: một nhóm gồm chừng 10 hộ, toàn là công viên chức, trong độ tuổi 40; một nhóm 15 hộ khác gồm những người buôn bán. Thành viên hai nhóm này thường tổ chức liên hoan, thăm hỏi nội bộ nhóm trong các dịp lễ Tết, sinh nhật, hiếu hi. Bên cạnh đó, mạng lưới xã hội của người dân ở hai khu vực này cũng mở rộng hơn so với nhiều dân làng khác thông qua hoạt động buôn bán.

### **3.3. Sự thích ứng với chính sách của nhà nước**

Ảnh hưởng của chính sách nhà nước đối với sự hình thành hai không gian trên là khá rõ ràng, nếu không muốn nói là mang tính quyết định. Chính sách Đổi mới đã tạo tiền đề cho sự giải thể hợp tác xã, không gian công cộng, qua đó cho phép quá trình tư nhân hóa một phần diện tích đất công thành đất ở thông qua bán đấu giá; mở cửa cho các doanh nghiệp nước ngoài, nâng cấp, mở rộng cơ sở hạ tầng để thúc đẩy phát triển kinh tế. Quá trình này dẫn đến một khu vực cư trú gồm các hộ có mặt bằng chung về kinh tế (khá giả trở lên), tương đồng về nghề nghiệp (phi nông nghiệp), tuổi tác (trung niên trở xuống). Đây là những đặc điểm mới, chưa từng tồn tại trong làng quê truyền thống của người Việt.

Tuy nhiên, sự thích ứng của người dân với chính sách cũng khác nhau, chịu sự chi phối bởi thời điểm ban hành chính sách, nội dung chính sách, vị trí địa lý cũng như điều kiện kinh tế - xã hội. Có thể thấy chứng minh điều này qua trường hợp hai khu phố làng Dục Nội đã trình bày ở trên. Một phần diện tích khu “phố chợ” vốn là đất công, nằm trọn trên địa giới khu Trung. Đây là khu vực trung tâm của làng, thuận lợi cho việc buôn bán, phục vụ nhu cầu hàng tiêu dùng cho dân làng. Chính vì thế, “phố chợ” hình thành trước cả “phố làng” dù xét về mặt địa lý, “phố làng” có nhiều lợi thế hơn: nằm ven đường liên xã, nằm gần trung tâm huyện, giao thông thuận tiện hơn. Theo hồi cố của người dân, trong suốt những năm 1990, giá đất ở khu “phố chợ” cao hơn so với khu “phố làng” (trung bình ở mức 500.000/m<sup>2</sup>, trong khi ở khu “phố làng” việc mua bán đất thời điểm này chưa diễn ra). Hoạt động mua bán đất vì thế cũng nhộn nhịp hơn ở khu “phố chợ”. Thực tế này bị quy định bởi thời điểm đó, các nhà máy có vốn nước ngoài chưa mở, siêu thị chưa hoạt động, đường liên xã chưa nâng cấp, giao thông liên vùng chưa phát triển ở khu vực “phố làng”. Chính vì thế, dù chính sách khuyến khích, hoạt động thương mại chưa phát triển ở đây, dân cư vẫn sống khá thưa thớt hai ven đường. Phải đến đầu những năm 2000, tình thế mới đảo chiều, giá đất ở khu “phố làng” tăng đột biến, ước tính cao gấp hai lần khu “phố chợ” (trung bình 15 triệu đồng/m<sup>2</sup>), hoạt động kinh doanh ở đây nhộn nhịp, đa dạng hơn. Điểm đáng lưu ý là có sự khác biệt đáng kể giữa diện tích đất ở trung bình ở hai khu phố, với 40-60 m<sup>2</sup> ở khu “phố chợ” và 70-80m<sup>2</sup> ở khu “phố làng”.

Nhìn vào việc buôn bán ở hai khu phố cũng có thể thấy một vài khác biệt. Hàng hóa ở khu “phố chợ” chủ yếu là thực phẩm, hàng gia dụng, trong khi ở khu “phố làng”, ngoài



quán bia thì hàng công nghiệp, điện tử, điện lạnh, giải trí (cafe internet, karaoke, trò chơi điện tử...), dịch vụ (may mặc, tóc) cũng khá phổ biến. Sự khác biệt này là bởi “phố chợ” là sự mở rộng của chợ làng. Trước kia, hàng hóa chủ yếu là nông sản, thực phẩm dư thừa từ trồng trọt, chăn nuôi như: rau quả, trái cây, gia cầm... Dân làng đã quen với việc mua bán thức ăn, đồ uống ở khu chợ làng, nhất là khi chợ nằm ở vị trí trung tâm làng. Người mua cũng như người bán đa phần là phụ nữ. Trong khi đó, hoạt động buôn bán ở khu “phố làng” không hướng đến việc đáp ứng nhu cầu ăn thuần túy mà thiên về “ăn chơi” như cách diễn giải của dân làng. Chính vì thế, đối tượng khách hàng của khu vực này chủ yếu là tầng lớp thanh niên - những người thường không phải đảm nhiệm việc bếp núc trong gia đình.

Một khác biệt nữa có thể kể đến là mức độ hội nhập với dòng chảy phát triển. Trong khi các hộ kinh doanh khu “phố chợ” chủ yếu duy trì quan hệ bán hàng với dân làng và nhập hàng từ phố huyện, khách hàng cũng như nhà cung cấp cho thị trường ở khu “phố làng” bao gồm cả người ngoài làng, xã, huyện thậm chí cả người khác tỉnh, người nước ngoài (qua việc cho thuê nhà, phục vụ ăn uống cho chuyên gia Nhật, Đài Loan, buôn bán gỗ). Khá nhiều hộ ở khu “phố làng” đã nâng tầm kinh doanh từ cá thể, hộ gia đình lên thành công ty trách nhiệm hữu hạn (có đến 15 hộ treo biển công ty tính đến cuối 2016) trong khi mô hình này chưa diễn ra ở khu “phố làng”. Tính liên kết vùng, quốc gia, xuyên quốc gia thể hiện rõ ở khu “phố làng”, trong khi điều này chưa rõ nét ở “phố chợ”. Điều này thể hiện qua mạng lưới hợp tác kinh doanh của các hộ dân ở khu “phố làng” rộng hơn, mang tính liên vùng, thậm chí xuyên quốc gia (như các đại lý buôn gỗ).

#### 4. Kết luận

Bài viết này tìm hiểu một vài đặc điểm nổi bật của hai khu “phố” sau khi “bước ra khỏi làng”. Theo quan điểm của tác giả, cảnh quan nên được nhìn nhận như sự phản ánh lối sống và quan điểm sống của người dân trong đó. Hai yếu tố này luôn thay đổi, gắn với từng nhóm xã hội và giai đoạn lịch sử khác nhau. Các phân tích, so sánh đã chỉ ra một số khác biệt trong quá trình phát triển hoạt động kinh doanh giữa người dân ở “phố chợ” và “phố làng”. Dù cùng “bước ra” khỏi một làng, người dân ở hai khu này đã có những chiến lược thích ứng khác nhau. Trong khi đó, họ chia sẻ sự tương đồng trong thực hành văn hóa, quan hệ xã hội. Phát hiện này cho phép đưa ra kết luận rằng các hoạt động sinh kế có thể dễ thay đổi, đa dạng thậm chí là hình thành nhóm khác biệt giữa các thành viên của một cộng đồng, trong khi từ phương diện văn hóa, xã hội quá trình này luôn diễn ra chậm hơn, cần nhiều điều kiện hơn.

Từ góc độ biến đổi xã hội, hai khu “phố chợ” và “phố làng” đã cho thấy hai xu hướng biến đổi của một bộ phận dân cư làng Việt, đặc biệt ở các vùng ven đô. Xu thế thứ nhất là thay đổi để hội nhập với sự phát triển thương mại, dịch vụ, từng bước thay thế sản xuất nông nghiệp. Lựa chọn này giúp người dân một mặt tổ chức lại phân công lao động theo hướng chuyên nghiệp hơn, một mặt mở rộng mạng lưới xã hội của họ ra ngoài ranh giới làng xã. Tính khép kín đã bị phá vỡ và sự liên kết của họ vào dòng chảy phát triển của vùng, quốc gia đã rõ nét hơn. Đây chính là quá trình mở rộng ranh giới cảnh quan, không gian mà các nhà sinh thái học lịch sử/ nhân học môi trường đã đề cập. Xu thế thứ

hai là việc tìm kiếm các dạng thức, mạng lưới xã hội tại chỗ mới để phục vụ nhu cầu kinh doanh, sinh hoạt, giao lưu. Hai xu hướng này không hề xung đột mà bổ trợ cho nhau, giúp người dân vừa phát triển, hội nhập với thế giới bên ngoài, vừa duy trì sự gắn kết với làng xã. Sự tương tác giữa hai xu thế này duy trì tính đa dạng, nhiều chiều kích, nhiều công năng cho cảnh quan/không gian mới được tạo dựng. Hai khu phố không chỉ đơn thuần là không gian thương mại, cư trú mà đồng thời là biểu tượng mới của làng, trung tâm văn hóa, xã hội nơi ẩn chứa các mối quan hệ, tương tác ở nhiều cấp độ khác nhau.

### Tài liệu tham khảo

- Bunnell, Tim. 2004. *Malaysia, Modernity and the Multimedia Super Corridor: A critical geography of intelligent landscapes*. Routledge. Pacific Rim Geographies.
- Crumley, L Carole (ed). 2001. *New Directions in Anthropology and Environment: Intersections*. Altamira Press/Rowman & Littlefield.
- Crumley, L Carole. 1994. *Historical Ecology: Cultural Knowledge and Changing Landscapes*. School of American Research Advanced Seminar Series: SAR Press.
- Hirsch, Eric and Michael O'Hanlon (eds). 1995. *The Anthropology of Landscape: Perspectives on Place and Space*. Clarendon Press. Oxford.
- Kleinen, John. 2004. *Làng Việt: đối diện tương lai, hồi sinh quá khứ*. Nxb Đà Nẵng.
- Morris, Douglas W. 1995. Habitat selection in mosaic landscapes. In Hansson L., L. Fahrig and G. Merriam (eds). *Mosaic landscape and ecological process*. New York: Chapman and Hall: 110-135.
- Nguyễn Công Thảo. 2011. Một cách tiếp cận về biến đổi nông thôn. *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, Số 2: 23-32.
- Nguyễn Công Thảo. 2013. Sự biến mất của những bóng ma và quá trình tái tạo không gian thiêng ở một làng Việt. *Tạp chí Dân tộc học*, Số 5-6: 74-85.
- Nguyễn Thị Phương Châm. 2009. *Biến đổi văn hóa ở các làng quê hiện nay*. Nxb Văn hóa - Thông tin và Viện Văn hóa. Hà Nội.
- Nguyễn Tùng. 2002. Về không gian làng, trong *Làng ở vùng châu thổ sông Hồng: vấn đề còn bỏ ngỏ*. Phillippe Papin và Olivier Tessier Chủ biên. Nxb Khoa học xã hội. Hà Nội.
- Nguyễn Văn Sửu và Chu Thị Hương. 2015. Hướng tiếp cận trong không gian làng Việt: nghiên cứu trường hợp làng Đồng Kỵ, Bắc Ninh. *Tạp chí Khoa học xã hội và nhân văn*, Tập 1, số 2: 1-17.
- Papin, Phillippe và Olivier Tessier (Chủ biên). 2002. *Làng ở vùng châu thổ sông Hồng: vấn đề còn bỏ ngỏ*. Nxb Khoa học xã hội. Hà Nội.
- Tô Duy Hợp (Chủ biên). 2000. *Sự biến đổi của làng xã Việt Nam ngày nay ở đồng bằng sông Hồng*. Nxb Khoa học xã hội. Hà Nội.